Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.12.2019 08:21:37 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2775 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Gò Dầu năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều qui định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu tại Tờ trình số 285/TTr-UBND ngày 25/11/2019 về việc phân loại ấp, khu phố trên địa bàn huyện Gò Dầu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 707/TTr-SNV ngày 17.../12.../2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Gò Dầu năm 2019 *(có Phụ lục kết quả phân loại ấp, khu phố kèm theo).*

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Gò Dầu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- Vp. Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN GÒ DẦU NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**UBND xã Cẩm Giang (04 ấp)**	**2,637.12**	**15,195**	**4,427**	x									
1	Ấp Cẩm Thắng	376.76	4,060	1,188				54	157	147	30	**388**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Cẩm Long	348.24	3,421	968				51	135	125	30	**341**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Cẩm Bình	738.46	3,842	1,113				92	149	139	30	**410**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Cẩm An	1,173.66	3,872	1,158				100	150	144	30	**424**	Loại 1	**Loại 1**
II	**UBND xã Thạnh Đức (10 ấp)**	**7,268.70**	**20,905**	**6,049**	x									
1	Ấp Bến Chò	615.70	1,984	552				80	87	83	30	**280**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Bông Trang	647.81	2,216	706				83	95	99	30	**307**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Trà Võ	571.23	2,772	807				75	114	109	30	**328**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Bến Đình	591.48	2,110	629				77	92	91	30	**290**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Bến Mương	598.87	3,179	943				78	127	122	30	**357**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Đường Long	916.67	1,955	552				100	87	83	30	**300**	Loại 1	**Loại 1**
7	Ấp Rộc A	478.44	2,124	604				66	92	88	30	**276**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp Rộc B	796.34	2,003	553				98	88	83	30	**299**	Loại 1	**Loại 1**
9	Ấp Bến Rộng	1,622.62	1,968	531				100	87	81	30	**298**	Loại 1	**Loại 1**
10	Ấp Cầu Sắt	429.54	594	172				60	45	45	30	**180**	Loại 3	**Loại 3**
III	**UBND xã Hiệp Thạnh (06 ấp)**	**3,874.70**	**17,458**	**4,962**	x									
1	Ấp Chánh	557.10	1,591	465				74	74	74	30	**252**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Cây Da	544.32	3,440	964				72	136	124	30	**362**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Giữa	504.93	2,414	780				68	102	106	30	**306**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Đá Hàng	580.00	5,231	1,354				76	196	163	30	**465**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Xóm Bố	845.35	2,749	824				100	113	110	30	**353**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Tầm Lanh	843	2,033	575				100	89	86	30	**305**	Loại 1	**Loại 1**
IV	**UBND xã Phước Trạch (03 ấp)**	**1,126.99**	**8,456**	**2,409**		x								
1	Ấp Cây Nính	106.60	2,461	700				35	103	98	20	**256**	Loại 2	**Loại 2**

STT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2	Ấp Xóm Mía	513.89	2,905	828				69	118	111	20	**318**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Bàu Vừng	506.50	3,090	881				69	124	116	20	**329**	Loại 1	**Loại 1**
V	**UBND Thị trấn Gò Dầu (07 khu phố)**	**600.7**	**24,017**	**6,347**	**x**									
1	Khu phố Thanh Bình A	99.35	3,730	977				49	116	116	30	**311**	Loại 1	**Loại 1**
2	Khu phố Thanh Bình B	65.00	2,099	560				37	75	74	30	**216**	Loại 2	**Loại 2**
3	Khu phố Thanh Bình C	20.85	2,893	791				35	95	97	30	**257**	Loại 2	**Loại 2**
4	Khu phố Nội Ô A	43.20	3,576	853				35	112	103	30	**280**	Loại 1	**Loại 1**
5	Khu phố Nội Ô B	23.55	3,374	744				35	107	92	30	**264**	Loại 2	**Loại 2**
6	Khu phố Rạch Sơn	193.00	4,047	1,258				82	124	144	30	**380**	Loại 1	**Loại 1**
7	Khu phố Thanh Hà	155.75	4,298	1,164				70	130	134	30	**364**	Loại 1	**Loại 1**
VII	**UBND xã Thanh Phước (08 ấp)**	**2,507.90**	**18,805**	**5,003**	**x**									
1	Ấp Trâm Vàng 1	311.10	2,332	632				47	99	91	30	**267**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Trâm Vàng 2	558.1	2,519	658				74	105	94	30	**303**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Trâm Vàng 3	191.08	2,695	763				35	111	104	30	**280**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Xóm Đồng	478.1	3,266	817				66	130	110	30	**336**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Xóm Mới 1	163.12	2,466	659				35	104	94	30	**263**	Loại 2	**Loại 2**
6	Ấp Xóm Mới 2	188.1	2,334	621				35	99	90	30	**254**	Loại 2	**Loại 2**
7	Ấp Cây Xoài	420.1	2,198	589				59	95	87	30	**271**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp Rỗng Tượng	198.2	995	264				35	52	52	30	**169**	Loại 3	**Loại 3**
VII	**UBND xã Phước Thạnh (09 ấp)**	**2,087.47**	**11,152**	**3,035**		**x**								
1	Ấp Phước Hội A	317.30	1,887	525				48	84	81	20	**233**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Phước Hội B	177.10	1,666	450				35	77	73	20	**205**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Phước Chánh	123.20	471	132				35	45	45	20	**145**	Loại 3	**Loại 3**
4	Ấp Phước Đông	164.53	1,514	430				35	71	70	20	**196**	Loại 2	**Loại 2**
5	Ấp Phước Hòa	273.60	1,164	317				43	58	58	20	**179**	Loại 3	**Loại 3**
6	Ấp Phước Bình A	181.20	918	252				35	49	51	20	**155**	Loại 3	**Loại 3**
7	Ấp Phước Bình B	294.14	1,256	314				45	62	58	20	**185**	Loại 3	**Loại 3**
8	Ấp Phước An	252.20	1,071	283				41	55	54	20	**170**	Loại 3	**Loại 3**
9	Ấp Phước Tây	304.20	1,205	332				46	60	60	20	**186**	Loại 3	**Loại 3**
VIII	**UBND xã Phước Đông (05 ấp)**	**2,310.16**	**19,180**	**5,792**	**x**									
1	Ấp Phước Đức A	316.16	5,614	1,651				48	208	193	30	**479**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Phước Đức B	718.00	5,804	2,088				90	215	237	30	**572**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Cây Trắc	390.00	2,171	604				56	94	88	30	**268**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Suối Cao A	412.00	3,279	980				58	131	126	30	**345**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Suối Cao B	474.00	2,312	469				65	98	75	30	**268**	Loại 1	**Loại 1**
IX	**UBND xã Bàu Đồn (07 ấp)**	**3,583.08**	**17,890**	**5,047**	**x**									

STT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Ấp 1	153.10	2,099	504				35	91	78	30	**234**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp 2	921.90	2,923	773				100	119	105	30	**354**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp 3	560.00	2,347	616				74	100	90	30	**294**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp 4	416.70	2,953	920				59	120	120	30	**329**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp 5	348.80	3,480	1,061				51	137	134	30	**352**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp 6	889.28	1,787	506				100	81	79	30	**290**	Loại 1	**Loại 1**
7	Ấp 7	293.30	2,301	667				45	98	95	30	**268**	Loại 1	**Loại 1**
TỔNG CỘNG		**25,996.82**	**153,058**	**43,071**										

Tổng số: **59** ấp, khu phố, trong đó:

- Loại 1: 40
- Loại 2: 11
- Loại 3: 8

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN GÒ DẦU NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2775 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Đơn vị	Tổng số ấp, khu phố	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	UBND xã Cẩm Giang	4	4			
2	UBND xã Thạnh Đức	10	9		1	
3	UBND xã Hiệp Thạnh	6	5	1		
4	UBND xã Phước Trạch	3	2	1		
5	UBND Thị trấn Gò Dầu	7	4	3		
6	UBND xã Thanh Phước	8	5	2	1	
7	UBND xã Phước Thạnh	9		3	6	
8	UBND xã Phước Đông	5	5			
9	UBND xã Bàu Đồn	7	6	1		
Tổng số		**59**	**40**	**11**	**8**	